

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2018/DS-ST.

Ngày 27-7-2018.

V/v “Tranh chấp hợp đồng hội”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thành Dân.

Ông Trần Văn Dá.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng hội. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2018/QĐXX-ST ngày 27/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1964 (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị N, sinh năm 1968 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1. Bà Lý Thị D, sinh năm 1974 .

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà Danh Thị T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Trần Ngọc L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà Huỳnh Thị H₁, sinh năm 1962.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Sóc Trăng.

5. Bà Phạm Thị H₂, sinh năm 1963.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Sóc Trăng.

6. Bà Danh Thị L, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Sóc Trăng.

7. Bà Đặng Kim A, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp LT, xã TL, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

(tất cả người làm chứng trên đều vắng mặt)

8. Bà Danh Thị C, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 01 năm 2018 của nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày:

Bà H có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ dây hụi 500.000 đồng ngày 10/01/2013 âm lịch, một tháng khai một lần, hụi gồm có 44 phần, bà tham gia ba phần, bà đóng hụi sống đến kỳ thứ 34 sang kỳ thứ 35 bà hốt hụi, số tiền được hốt sẽ là 17.000.000 đồng của 34 lần hụi đã khai cộng với 100.000 đồng/mỗi phần của những hụi viên sống còn lại phải đóng do bà bỏ lãi 400.000 đồng để hốt, tuy nhiên bà thống nhất với bà N là chỉ giao cho bà 17.000.000 đồng; Tiếp tục sang kỳ thứ 36 bà bỏ lãi 400.000 đồng để hốt, sang kỳ thứ 40 bỏ lãi 200.000 đồng để hốt và tương tự như lần hốt đầu tiên là cũng thống nhất với bà N là bà N chỉ giao 17.500.000 ở kỳ hốt thứ 36, giao 19.500.000 đồng ở kỳ hốt thứ 40. Tuy nhiên cả 03 lần hốt hụi bà N hứa giao tiền nhưng hứa hẹn nhiều lần đến nay vẫn không trả. Về việc đóng hụi chết là kể từ lần hốt hụi thứ 35 trở về sau là bà không có đóng hụi chết, lý do bà N chưa giao tiền hụi.

Tại phiên tòa bà H yêu cầu Tòa án buộc ông S và bà N trả cho bà số tiền hụi của 03 phần hụi là 54.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi từ 10/7/2016 đến ngày 10/7/2017 thành tiền là 3.915.000 đồng, bà đồng ý trừ phần hụi chết bà có nghĩa vụ đóng cho bà N sau khi hốt hụi số tiền 10.500.000 đồng (của cả 03 phần hụi) nên tổng số tiền yêu cầu giải quyết buộc bà N, ông S phải trả cho bà là 47.415.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Văn S có lời khai: Ông không biết gì về phần hụi bà H kiện, vợ ông là bà N mở hụi cách nay khoảng 3 đến 4 năm, hụi mở hưởng hoa hồng, số tiền hưởng hoa hồng dùng vào việc trang trải cuộc sống trong gia đình, bà H có chơi hụi hay không là ông không biết.

Bị đơn bà Trần Thị N: Không có văn bản trình bày ý kiến.

Quan điểm kiểm sát của đại diện Viện kiểm sát như sau:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa xét xử, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng với các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Qua chứng cứ và kết quả tranh tụng tại Tòa có cơ sở xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Kim H khởi kiện cho rằng có tham gia chơi hụi trong dây hụi 500.000 đồng mở ngày 10/01/2013 âm lịch, hụi khai hàng tháng và gồm có 44 phần, bà H tham gia 03 phần. Tuy nhiên bà hốt cả 03 phần hụi lần lượt ở các kỳ khai thứ 35, 36 và 40 đến nay hụi đã mãn từ ngày 10/7/2016 đến nay nhưng bà N không giao tiền. Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N, ông S trả số tiền tổng cộng 47.415.000 đồng. bị đơn bà N không có lời trình bày, ông S không thừa nhận việc bà H tham gia hụi và hốt hụi như bà H trình bày. Hội đồng xét xử xét thấy qua xác minh những người làm chứng là hụi viên cùng tham gia trong dây hụi nêu trên là có căn cứ xác định bà H có tham gia chơi hụi như bà trình bày, mặc khác qua tài liệu do Tòa án thu thập từ hồ sơ bà N khởi kiện ông Trần Văn T tại tờ tường trình ngày 01/7/2016 của bà N (bút lục 88) thể hiện bà H (ghi tên chồng bà H là Huỳnh V) hốt hụi vào các ngày 10/10/2015, 10/11/2015, 10/3/2016 với số tiền lãi bỏ ra để hốt hụi như bà H đã trình bày là phù hợp. Do vậy có căn cứ Hội đồng xét xử xác định bà H có tham gia chơi hụi do bà N làm chủ và hốt hụi vào các kỳ khai 35, 36, 40 với tổng số tiền 54.000.000 đồng như bà H trình bày trên là đúng sự thật.

[2] Nguyên đơn bà H đồng ý khấu trừ vào tiền hụi chết bà có nghĩa vụ đóng cho bà H tổng cộng 10.500.000 đồng nên yêu cầu giải quyết buộc bà N, ông S trả 43.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày 10/7/2016 đến ngày 10/7/2017 thành tiền là 3.915.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy tại Điều 15, Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phụng dưỡng quy định chủ hụi có nghĩa vụ giao các phần hụi cho hụi viên được lãnh, nếu không thực hiện đúng phải chịu lãi chậm trả, do vậy bà H yêu cầu giao tiền hụi và trả lãi như trên là phù hợp. Ngoài ra tại biên bản lấy lời khai ông S (bút lục số 25) thể hiện ông S có biết việc bà N mở hụi với mục đích kiếm thu nhập trang trải cuộc sống gia đình. Căn cứ khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử buộc ông S cùng có nghĩa vụ liên đới với bà N trả tiền hụi là đúng quy định.

[3] Về án phí, lệ phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Toa án chấp nhận nên các bị đơn phải có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự 2005, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Điều 15, Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phườg;

Áp dụng điểm khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Kim H số tiền 47.415.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người có nghĩa vụ thi hành án không chịu thi hành trả số tiền nêu trên cho người được thi hành án thì người có nghĩa vụ thi hành án còn phải chịu thêm phần lãi chậm trả bằng 50% mức lãi suất giới hạn của pháp luật quy định về lãi suất vay tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Trần Thị N và ông Nguyễn Văn S có nghĩa vụ liên đới nộp 2.371.000 đồng.

Báo cho các đương sự biết, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trình Thị Bích Phượng

